

Số: 37/NQ-HĐND

Mai Sơn, ngày 18 tháng 10 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn năm 2023

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN
KHOÁ XXI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30/01/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về hướng dẫn một số hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 22/6/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc duyệt phân bổ nguồn kinh phí hỗ trợ của UBND tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc duyệt kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ, đợt 2 năm 2023;

Xét đề nghị của UBND huyện tại Tờ trình số 314/TTr-UBND ngày 10/10/2023; Báo cáo thẩm tra số 71/BC-KTXH ngày 16/10/2023 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và thảo luận tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn năm 2023 với tổng số tiền 4.915.942.247 đồng (Bốn tỷ chín trăm mười lăm triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng), như sau:

1. Phân bổ kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế (đợt 2) năm 2023 cho Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã số tiền: 1.467.607.814 đồng (Một tỷ bốn trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm linh bảy nghìn tám trăm mười bốn đồng).

Nguồn kinh phí: Kinh phí giao tại Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 của UBND tỉnh.

(Có phụ lục I chi tiết kèm theo)

2. Phân bổ kinh phí cho Phòng Lao động Thương binh và Xã hội, UBND xã Cò Nòi số tiền 440.339.000 (Bốn trăm bốn mươi triệu ba trăm ba mươi chín nghìn đồng), trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ học sinh, sinh viên được hưởng chế độ miễn, giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ năm 2022, 2023 cho Phòng Lao động Thương binh và Xã hội số tiền: 16.260.000 đồng (Mười sáu triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Kinh phí xây dựng công trình: Trụ sở làm việc xã Cò Nòi; Hạng mục: Hệ thống chữa cháy ngoài nhà cho UBND xã Cò Nòi số tiền: 424.079.000 (Bốn trăm hai mươi bốn triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Nguồn kinh phí: Tiết kiệm chi chuyển nguồn tại Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của UBND huyện.

(Có phụ lục II, III chi tiết kèm theo)

3. Phân bổ kinh phí chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy cho Toà án nhân dân huyện và UBND các xã, thị trấn số tiền: 152.840.000 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Nguồn kinh phí: Đảm bảo xã hội năm 2023.

(Có phụ lục IV chi tiết kèm theo)

4. Phân bổ kinh phí từ nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2023 cho Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Tái định cư số tiền: 1.830.608.433 (Một tỷ tám trăm ba mươi triệu sáu trăm linh tám nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng).

Nguồn kinh phí: Thu tiền sử dụng đất năm 2023.

(Có phụ lục V chi tiết kèm theo)

5. Phân bổ kinh phí từ các khoản huy động, đóng góp cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Tái định cư số tiền 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng).

Nguồn kinh phí: Các khoản huy động, đóng góp khác.

(Có phụ lục VI chi tiết kèm theo)

6. Phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị với tổng số tiền 214.547.000 đồng (Hai trăm mười bốn triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Nguồn kinh phí: Chi khác ngân sách huyện năm 2023.

(Có phụ lục VII chi tiết kèm theo)

7. Phân bổ kinh phí hỗ trợ hộ nghèo khó khăn về nhà ở cho UBND các xã (đợt 1) năm 2023 số tiền: 480.000.000 đồng *(Bốn trăm tám mươi triệu đồng)*.

(Có phụ lục VIII chi tiết kèm theo)

Nguồn kinh phí: Kinh phí giao tại Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 22/6/2023 của UBND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Mai Sơn khóa XXI, kỳ họp Chuyên đề lần thứ mười hai thông qua ngày 18 tháng 10 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Thường trực huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các vị Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị, đoàn thể của huyện;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Việt Cường



PHỤ LỤC

Lồng hợp phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn năm 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 18/10/2023 của HĐND huyện Mai Sơn)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Số tiền	Ghi chú
	Tổng cộng		4.915.942.247	
1	Phân bổ kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế (đợt 2) năm 2023	Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã	1.467.607.814	Phụ lục I
2	Phân bổ kinh phí hỗ trợ học sinh, sinh viên được hưởng chế độ miễn, giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ năm 2022, 2023	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	16.260.000	Phụ lục II
3	Phân bổ kinh phí xây dựng công trình: Trụ sở làm việc xã Cò Nòi; Hạng mục: Hệ thống chữa cháy ngoài nhà	UBND xã Cò Nòi	424.079.000	Phụ lục III
4	Phân bổ kinh phí thực hiện chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy	Toà án nhân dân huyện, UBND các xã	152.840.000	Phụ lục IV
5	Phân bổ kinh phí từ nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2023	Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Tái định cư	1.830.608.433	Phụ lục V
6	Phân bổ kinh phí từ các khoản huy động, đóng góp	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Tái định cư	330.000.000	Phụ lục VI
7	Phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị	Phòng Nông nghiệp & PTNT, Trung tâm Y tế, Toà án nhân dân	214.547.000	Phụ lục VII
8	Phân bổ kinh phí hỗ trợ hộ nghèo khó khăn về nhà ở	UBND các xã	480.000.000	Phụ lục VIII



Phụ lục I

Phân bổ kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế (đợt 2) năm 2023
(Kế toán theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 18/10/2023 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị tính: Đồng

STT	STT theo Quyết định phê duyệt danh sách của cấp có thẩm quyền	Nội dung	Đơn vị	Tổng kinh phí thực hiện chính sách	Trong đó		Phân bổ kỳ này	Ghi chú
					Cơ quan, đơn vị tự chi trả	Ngân sách nhà nước cấp bổ sung		
A	B	C		1=2+3	2	3	4=3	5
		Tổng cộng		1.467.607.814	-	1.467.607.814	1.467.607.814	
I		Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND tỉnh		1.146.310.223	-	1.146.310.223	1.146.310.223	
1	11	Phan Thị Hợi	Trường mầm non Hoa Hồng	222.084.962		222.084.962	222.084.962	
2	12	Lò Thị Mai Yên	Trường mầm non Tô Hiệu	195.558.071		195.558.071	195.558.071	
3	13	Nguyễn Thị Thanh	Trường mầm non Phiêng Pắn	194.510.313		194.510.313	194.510.313	
4	14	Vũ Thị Tươi	Trường mầm non Phiêng Pắn	133.954.832		133.954.832	133.954.832	
5	15	Trần Thị Thanh Dung	Trường TH-THCS Mường Bon	187.658.278		187.658.278	187.658.278	
6	49	Lò Văn Nọi	UBND xã Cò Nòi	102.677.300		102.677.300	102.677.300	
7	50	Hoàng Văn Văn	UBND xã Chiềng Nọi	109.866.467		109.866.467	109.866.467	
II		Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 29/7/2023 của UBND tỉnh		321.297.591	-	321.297.591	321.297.591	
1	22	Lê Thị Lan Hương	Trường TH-THCS Nà Ban	208.621.043		208.621.043	208.621.043	
2	41	Lò Văn An	UBND xã Chiềng Chăn	112.676.548		112.676.548	112.676.548	



Phụ lục II

Phân bổ kinh phí hỗ trợ học sinh sinh viên được hưởng chế độ miễn, giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ năm 2022, 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 18/10/2023 của HĐND huyện Mai Sơn)

ĐVT: Đồng.

STT	Họ Và Tên	Năm Sinh		Địa chỉ	Họ Và Tên Bố và Mẹ	Ngành	Tên trường học	Hệ Đào tạo	Đối tượng	Sinh viên năm	Học kỳ	Năm học	Số tháng được hưởng	Mức quy định tại ND số 81 (Tháng) Năm học 2021-2022)	Mức học phí đóng thực tế tại trường/tháng	Tổng số tiền được hỗ trợ	Phân bổ kỳ này	Ghi chú
		Nam	Nữ															
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		18
	Tổng cộng															16.260.000	16.260.000	
I	Hệ trung cấp															9.400.000	9.400.000	
1	Hoàng Xuân Trường		2007	Bản Chăn Chiêng, xã Chiêng Chăn	Mẹ: Hoàng Thị Công	Điện, Điện tử	Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics	Trung cấp chính quy	Miễn giảm 100% học phí đối tượng - Từ trung học cơ sở lên Trung cấp chuyên nghiệp	I	I+II	2022-2023	10	940.000	1.250.000	9.400.000	9.400.000	Thực hiện theo Nghị quyết số 155/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ; Ý 3, điểm a, mục 1, Điều 10, Chương 2 Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; Công văn số 694/BGDĐT-KHTC ngày 23/2/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
I	Hệ Đại học															6.860.000	6.860.000	
I	Lò Tuấn Anh		2002	Bản Mè Mạn, xã Chiêng Mai	Mẹ: Nông Thanh Hoài Bố: Lò Trọng Quyền	Quản trị kinh doanh	Trường Đại học Công Nghệ Đồng Á	Chính quy	Hỗ trợ 70% học phí đối tượng - xã khu vực III thuộc khu đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	II	I+II	2022-2023	10	980.000	Kỳ I: 1.800.000 Kỳ II: 1.800.000	6.860.000	6.860.000	Thực hiện theo Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ; Ý 3, điểm a, mục 1, Điều 10, Chương 2 Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; Công văn số 694/BGDĐT-KHTC ngày 23/2/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo



Phụ lục III

Phân bổ kinh phí xây dựng công trình: Trụ sở làm việc xã Cò Nòi; Hạng mục: Hệ thống chữa cháy ngoài nhà

(Kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 18/10/2023 của HĐND huyện Mai Sơn)

DVT: đồng.

TT	Danh mục	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt dự toán			Khối lượng hoàn thành	Lũy kế vốn đã phân bổ	Phân bổ kỳ này	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN				
	Tổng cộng								
I	UBND XÃ CÒ NỎI			586.356.000	586.356.000	586.356.000	162.277.000	424.079.000	
1	Kinh phí xây dựng công trình: Trụ sở làm việc xã Cò Nôi; Hạng mục: Hệ thống chữa cháy ngoài nhà	2022-2023	2902; 30/12/2022	586.356.000	586.356.000	586.356.000	162.277.000	424.079.000	

Phụ lục IV



**Phân bổ kinh phí thực hiện chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy
cho Toà án nhân dân huyện và UBND các xã, thị trấn**

(Kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 18/10/2023 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đvt: Đồng

STT	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	Tổng cộng	152.840.000	
I	Cấp huyện	25.560.000	
	Toà án nhân dân huyện	25.560.000	
II	UBND các xã, thị trấn	127.280.000	
1	Thị trấn Hát Lót	8.000.000	
2	Xã Chiềng Sung	4.500.000	
3	Xã Mường Bằng	7.500.000	
4	Xã Chiềng Chăn	4.500.000	
5	Xã Mường Chanh	1.500.000	
6	Xã Chiềng Mung	9.380.000	
7	Xã Mường Bon	3.000.000	
8	Xã Chiềng Chung	6.000.000	
9	Xã Chiềng Mai	7.200.000	
10	Xã Hát Lót	6.000.000	
11	Xã Cò Nòi	13.200.000	
12	Xã Phiêng Cầm	12.000.000	
13	Xã Chiềng Kheo	1.500.000	
14	Xã Chiềng Ve	1.500.000	
15	Xã Chiềng Lương	4.500.000	
16	Xã Phiêng Păn	11.700.000	
17	Xã Nà Ót	9.000.000	
18	Xã Tà Hộc	4.500.000	
19	Xã Nà Bó	11.800.000	



Phụ lục V

Phân bổ kinh phí từ nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HDND ngày 18/10/2023 của HDND huyện Mai Sơn)

ĐVT: đồng.

TT	Danh mục	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt dự toán			Khối lượng hoàn thành	Lũy kế vốn đã phân bổ	Phân bổ kỳ này	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN				
	Tổng cộng			3.133.259.000	2.390.456.000	2.390.456.000	1.302.650.567	1.830.608.433	
I	Phòng Tài nguyên và Môi trường			3.042.462.000	2.299.659.000	2.299.659.000	1.297.024.000	1.745.438.000	
1	Kinh phí lập Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 -2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2022	2021- 2022		1.730.732.000	1.730.732.000	1.730.732.000	1.297.024.000	433.708.000	
2	Kinh phí lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023	2022	2262; 20/10/2022	568.927.000	568.927.000	568.927.000		568.927.000	
3	Kinh phí lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024	2023	953; 23/5/2023	568.927.000				568.927.000	
4	Tư vấn điều tra, khảo sát xác định giá đất cụ thể làm căn cứ giao đất tái định cư Khu dân cư Tiểu khu 26/3, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn và Khu tái định cư dự án Trung tâm chính trị - Hành chính huyện và các dự án khác.	2023	1801; 22/9/2023	173.876.000				173.876.000	
II	Ban QLDA đầu tư xây dựng và Tái định cư			90.797.000	90.797.000	90.797.000	5.626.567	85.170.433	
1	THANH TOÁN TRẢ NỢ KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH CÁC NĂM TRƯỚC			50.000.000	50.000.000	50.000.000	5.626.567	44.373.433	

1.1	Chi phí tư vấn điều tra, khảo sát xây dựng giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Khu tái định cư dự án Trung tâm Chính trị - Hành chính huyện và các dự án khác	2021-2023	1379 - 07/7/2022	25.000.000	25.000.000	25.000.000	5.626.567	19.373.433	
1.2	Chi phí tư vấn điều tra, khảo sát xây dựng giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Khu dân cư Tiểu Khu 26/3 xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn	2021-2023	1378 - 07/7/2022	25.000.000	25.000.000	25.000.000	-	25.000.000	
2	THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN NĂM 2023			40.797.000	40.797.000	40.797.000	-	40.797.000	
2.1	Chi phí tư vấn điều tra, khảo sát xây dựng giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Khu di tích lịch sử ngã ba Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	2021-2023	3990 - 27/12/2021	40.797.000	40.797.000	40.797.000	-	40.797.000	



Phụ lục VI

Phân bổ kinh phí từ các khoản huy động, đóng góp

(Thực hiện Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 18/10/2023 của HĐND huyện Mai Sơn)

ĐVT: đồng

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công, hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Kế hoạch vốn đã giao		Tổng giá trị đã giải ngân, thanh toán		Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án		Kế hoạch phân bổ kỳ này	Ghi chú
				Số QĐ - ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: Vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó: Vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó: Vốn nhân dân đóng góp		
					Tổng số	Trong đó: Vốn nhân dân đóng góp								
	Tổng cộng				9.600.000.000	360.000.000	9.104.000.000	-	6.193.279.000	-	9.464.000.000	360.000.000	330.000.000	
1	Trường tiểu học Chiềng Nọi Hạng mục Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng	Ban Quản lý dự án ĐTXD và TĐC huyện Mai Sơn	2020	2242-31/10/2019	3.000.000.000	150.000.000	2.714.000.000		2.714.000.000		2.864.000.000	150.000.000	120.000.000	
2	Nhà văn hóa xã Chiềng Kheo, huyện Mai Sơn	Ban Quản lý dự án ĐTXD và TĐC huyện Mai Sơn	2022-2024	2464-18/11/2022	2.000.000.000	40.000.000	1.960.000.000		1.643.151.000		2.000.000.000	40.000.000	40.000.000	
3	Trường TH - THCS Chiềng Vẽ điểm bản Khiêng, xã Chiềng Vẽ, huyện Mai Sơn	Ban Quản lý dự án ĐTXD và TĐC huyện Mai Sơn	2022-2024	2465-18/11/2022	2.000.000.000	40.000.000	1.960.000.000		817.570.000		2.000.000.000	40.000.000	40.000.000	
4	Nhà văn hóa bản Ta Vắt, xã Phiềng Păn, huyện Mai Sơn	Ban Quản lý dự án ĐTXD và TĐC huyện Mai Sơn	2022-2024	2340-30/10/2022	1.000.000.000	50.000.000	950.000.000		411.947.000		1.000.000.000	50.000.000	50.000.000	
5	Đường giao thông nội bản Thân, xã Phiềng Păn, huyện Mai Sơn	Ban Quản lý dự án ĐTXD và TĐC huyện Mai Sơn	2022-2024	2341-30/10/2022	1.600.000.000	80.000.000	1.520.000.000		606.611.000		1.600.000.000	80.000.000	80.000.000	



Phụ lục VII

Phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị

(Kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 18/10/2023 của HĐND huyện Mai Sơn)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Số tiền	Ghi chú
	Tổng cộng		214.547.000	
1	Phân bổ kinh phí tổ chức lễ công bố xã Chiềng Mung đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022 và các bản nông thôn mới, bản nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023	Phòng Nông nghiệp & PTNT	149.680.000	
2	Phân bổ kinh phí tham gia gian hàng trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại Hội thảo khoa học cấp Bộ Quốc phòng kỷ niệm 70 năm chiến thắng Thượng Lào (1953-2023)		13.250.000	
3	Phân bổ kinh phí mua test kiểm tra an toàn thực phẩm và vật tư y tế phục vụ các hoạt động hậu kiểm, kiểm tra, giám sát đảm bảo ATTP năm 2023	Trung tâm Y tế huyện	21.667.000	
4	Phân bổ kinh phí xét xử án lưu động từ nguồn ngân sách địa phương	Toà án nhân dân huyện	29.950.000	



Phụ lục VIII

Phân bổ kinh phí hỗ trợ hộ nghèo khó khăn về nhà ở (đợt 1) năm 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 18/10/2023 của HĐND huyện Mai Sơn)

STT	Họ và tên (Chủ hộ)	Sinh năm		Địa chỉ (bản)	Mức hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ			
I	Xã Chiềng Chăn				80.000.000	
1	Vàng A Tú	1973		Nậm Luông	20.000.000	
2	Vừ Thị Khua		1992	Nậm Luông	20.000.000	Đơn thân nuôi con
3	Cam Thị Ngại		1954	Quỳnh Nam	20.000.000	
4	Lò Thị Tiếng		1964	Chiềng Đen	20.000.000	
II	Xã Chiềng Chung				100.000.000	
5	Hoàng Thị Tiên		1969	Bản Ngòi	20.000.000	
6	Lường Thị Hải		1984	Bản Ngòi	20.000.000	Đơn thân nuôi con
7	Vàng A Sai	1994		Ít Hồ	20.000.000	Chủ hộ bị thiếu năng trí tuệ
8	Giảng Thị Cang		1994	Ít Hồ	20.000.000	Đơn thân nuôi con
9	Lường Thị Sươi		1984	Bản Nam	20.000.000	Đơn thân nuôi con
III	Xã Tà Hộc				60.000.000	
10	Lò Văn Hóa	1986		Bản Mòng	30.000.000	Ôm đau quanh năm
11	Mè Văn Tình	1962		Pù Tền	30.000.000	
IV	Xã Chiềng Lương				30.000.000	
12	Quảng Thị Lợi		1980	Pó In	30.000.000	Đơn thân nuôi con
V	Xã Chiềng Nọi				210.000.000	
13	Lò Thị Sinh		1970	Phiêng Thắm	30.000.000	
14	Lường Thị Phúc	1955		Phiêng Khôm	30.000.000	
15	Lò Văn Piềng	1954		Phiêng Khôm	30.000.000	
16	Lò Văn Khó	1964		Nà Phặng	30.000.000	
17	Lường Thị Xương		1977	Nà Phặng	30.000.000	Bệnh hiểm nghèo
18	Lò Văn Xuân	1973		Nà Phặng	30.000.000	
19	Quảng Thị Thâng		1966	Nà Phặng	30.000.000	
Tổng					480.000.000	